

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN UYÊN
TỈNH LAI CHÂU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 20/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 18/7/2024

V/v Ly hôn, trả chấp về

nuôi con khi ly hôn

NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN UYÊN TỈNH LAI CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Nam Giang; Ông Vương Huy Vượng

- Thư ký phiên tòa: Ông Giang Tiến Hiệp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 41/2024/TLST - HNGĐ, ngày 12 tháng 3 năm 2024, về việc: “Ly hôn, trả chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2024/QĐXXST - HNGĐ, ngày 22 tháng 5 năm 2024, và **Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 01/2024/QĐST - HNGĐ ngày 28/6/2024**; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lò Thị A, sinh năm 1990. (vắng mặt)

Địa chỉ: Bản Nà Hoi, xã Thân Thuộc, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu.

2. Bị đơn: A Lò Văn C, sinh năm 1988. (vắng mặt)

Địa chỉ: Bản Nà Hoi, xã Thân Thuộc, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lò Thị A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị A và A Lò Văn C tự nguyện yêu thương và đăng ký kết hôn ngày 11/11/2013 tại Ủy ban nhân dân xã Thân Thuộc, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu. Sau khi kết hôn chị và A sống hạnh phúc một thời gian, đến năm 2015 chị và A thường xuyên mâu thuẫn, nguyên nhân A C thường xuyên uống rượu về đập phá nhà cửa, đánh chửi vợ con, vợ chồng bất đồng quan

điểm sống. Đến năm 2016 chị và A đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, không tìm được tiếng nói chung, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy chị làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với A Lù Văn C.

Về con chung: Chị và A C có 03 con chung, cháu Lù Trung Kiên, sinh ngày 07/12/2007; cháu Lù Thị Tiên Kim, sinh ngày: 08/5/2011; cháu Lù Văn Mạnh, sinh ngày: 30/8/2012. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng muốn được trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 03 con chung cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn:*

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn là A Lù Văn C không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và niêm yết các loại giấy tờ theo quy định của pháp luật. Vì vậy Tòa án cũng không lấy được lời khai của A C.

Ý kiến của con chung: Cả 03 cháu đều có nguyện vọng ở với mẹ, vì mẹ quan tâm, chăm sóc các cháu ăn học được thuận lợi hơn bố, khi ở với bố, bố hay uống rượu nên mỗi lần uống rượu là bố hay la mắng và đánh các cháu, nên cả 03 cháu có nguyện vọng ở với mẹ.

Tại biên bản xác minh của Ủy ban nhân dân xã Thân Thuộc: Xác định A C, chị A cư trú tại bản Nà Hoi, xã Thân Thuộc, huyện Tân Uyên. A, chị kết hôn vào ngày 11/11/2013. Hiện chị A và A C cùng các cháu đang sinh sống tại địa phương, xác minh A C mỗi khi uống rượu A C có hay đánh mắng các con dẫn đến các cháu phải đi ở nhờ nhà hàng xóm. Về mức thu nhập của chị A từ việc làm ruộng và làm tự do khoảng 6.000.000 đồng. Xác minh về mức thu nhập bình quân tại địa phương (trên địa bàn xã Thân Thuộc) cụ thể: 40.000.000 đồng/1 người/năm.

+ Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử (HĐXX), thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 - Bộ luật tố tụng dân sự.

- Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 - Bộ luật tố tụng dân sự

Về nội dung vụ án: Trên cơ sở lời trình bày của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị hội đồng xét xử áp dụng các quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 các Điều 147; 227; 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 - Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết

số: 326/2016/UBTVQH, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lò Thị A xử cho chị được ly hôn với A Lò Văn C. Về con chung giao các cháu Lò Trung Kiên, sinh ngày 07/12/2007; cháu Lò Thị Tiên Kim, sinh ngày 08/5/2011; cháu Lò Văn Mạnh, sinh ngày: 30/8/2012 cho chị Lò Thị A trực tiếp trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị A phải tạo điều kiện cho việc thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con chung chị A không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

Chị Lò Thị A có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Xác định bị đơn A Lò Văn C có Địa chỉ: Bản Nà Hoi, xã Thân Thuộc, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu và đây là quan hệ pháp luật hôn nhân gia đình về “Ly hôn, trả chấp về nuôi con khi ly hôn”. Căn cứ vào khoản 1 điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 - Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu.

Về xét xử vắng mặt: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn A C vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 - Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định.

Về nội dung vụ án:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy chị Lò Thị A và A Lò Văn C tự nguyện yêu thương nhau không bị ép buộc. Ngày 11/11/2013 A chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thân Thuộc, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân A C thường xuyên uống rượu về đập phá nhà cửa, đánh chửi vợ con, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với A Lò Văn C. Hội đồng xét xử xét thấy: Chị A và A C có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thân Thuộc, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu theo quy định của pháp luật. Xác định A chị tự nguyện đến với nhau tự nguyện kết hôn và là quan hệ hôn nhân hợp pháp, nay chị A thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị A, giải quyết cho

chị A được ly hôn với A C theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Chị A và A C có 03 con chung, cháu Lù Trung Kiên, sinh ngày 07/12/2007; cháu Lù Thị Tiên Kim, sinh ngày: 08/5/2011; cháu Lù Văn Mạnh, sinh ngày: 30/8/2012. Nguyên vọng của chị A muốn được trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 03 cháu cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, bản thân các cháu cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. HĐXX xét thấy: Chị A vẫn đang cư trú tại bản Nà Hoi, xã Thân Thuộc, huyện Tân Uyên, chị A làm ruộng và làm tự do với mức thu nhập từ 6.000.000 đồng/tháng. Xét thấy chị A có đầy đủ về mặt vật chất cũng như đầy đủ về mặt tinh thần để được nuôi dưỡng chăm sóc các cháu cho đến khi các cháu trưởng thành. A C sinh sống tại địa phương với nghề nghiệp là làm ruộng chỉ đủ ăn cùng với việc A C thì thoảng đánh, mắng các con làm ảnh hưởng đến sự phát triển tâm sinh lý của trẻ, việc trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu còn hạn chế. Xét nguyện vọng của các cháu là muốn ở với mẹ là phù hợp và cần thiết, nên giao các cháu cho chị Lù Thị A trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Do các đương sự không có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Quan điểm giải quyết vụ án của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Uyên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; Điều a khoản 1 Điều 35; Điều a khoản 1 Điều 39, Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271, 273 - Bộ luật Tố tụng dân sự.

Các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 - Luật Hôn nhân và gia đình.

Điều a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Lù Thị A được ly hôn với A Lù Văn C.

2. Về con chung: Giao 03 con chung là cháu Lò Trung Kiên, sinh ngày 07/12/2007; cháu Lò Thị Tiên Kim, sinh ngày: 08/5/2011; cháu Lò Văn Mạnh, sinh ngày: 30/8/2012 cho chị Lò Thị A trực tiếp trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

Khoản 2 Điều 83 - Luật hôn nhân và gia đình quy định: “*Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con*”.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Do các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lò Thị A phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Khấu trừ số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị A đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí kí hiệu BLTU/23 số 0000893 ngày 12/3/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- THADS huyện;
- UBND xã Thân Thuộc
- Các đương sự;
- Công bố trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án;
- Lưu: HS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Phương

**THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Phương

